

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày 17/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yên;
2. Bà Đỗ thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/8/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồng Văn T, sinh năm 1984

Đại chỉ: Thôn C1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Chị H ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh H tham gia tố tụng tại Tòa án.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C1, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Anh H, anh T và chị L đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Đề nghị Tòa án:

1. Công nhận hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng) giữa bên bán là anh (Nguyễn Mạnh H) và bên mua sơn là anh Hồng Văn T có hiệu lực pháp luật; tính đến ngày 29/01/2022 anh Hồng Văn T còn nợ anh 532.373.000 đồng (năm trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng);

2. Buộc anh Hồng Văn T và bà Lê Thị L phải trả anh là 532.373.000 đồng (năm trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày nộp đơn khởi kiện 10/5/2022 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định là 0,75%/tháng là 21.000.000 đồng và lãi suất tiếp theo cho đến khi xét xử sơ thẩm. Trường hợp anh T và L không trả được thì tiếp tục tính lãi mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh và anh Hồng Văn T chỉ quen biết xã hội. Gia đình anh kinh doanh vật liệu xây dựng, trong đó có kinh doanh sơn xây dựng; anh lấy sơn của các Công ty sơn về bán lấy lời.

Anh Hồng Văn T là thợ sơn. Anh và anh T đã gặp nhau và thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn, cụ thể:

- Bên bán sơn là anh (Nguyễn Mạnh H);
- Bên mua sơn là anh Hồng Văn T;
- Tài sản mua bán là: Sơn trong xây dựng và các sản phẩm phục vụ trong thi công sơn nhà.
- Phương thức thanh toán: Anh T phải trả anh bằng tiền mặt.

Việc thỏa thuận như trên chỉ nói với nhau bằng miệng (không lập văn bản).

Từ cuối năm 2020 đến đầu năm 2022 anh T đã nhiều lần lấy sơn của anh, các lần lấy sơn đều được anh ghi vào sổ, anh T có ký sổ nhận sơn và nhận nợ. Các lần lấy sơn, có lần anh T trả tiền, có lần nợ, có lần trả không hết; những lần như vậy đều được ghi vào sổ của anh và có chốt nợ; các lần trả hết tiền anh sẽ trực tiếp gạch sổ và thông báo cho anh T biết là đã thanh toán xong. Qua nhiều lần lấy sơn như vậy, đến nay anh T còn nợ anh các lần lấy sơn chưa thanh toán như sau:

1. Ngày 09/12/2020 đến ngày 25/12/2020 anh T còn nợ: 144.728.000 đồng;
2. Ngày 28/12/2020 đến ngày 30/12/2020 anh T còn nợ: 43.890.000 đồng;
3. Ngày 31/12/2020 đến ngày 06/02/2021 anh T còn nợ: 143.799.000 đồng;
4. Ngày 07/5/2021 đến ngày 24/7/2021 anh T còn nợ: 90.381.000 đồng;
5. Ngày 13/10/2021 đến ngày 17/12/2021 anh T còn nợ: 137.159.000 đồng;
6. Ngày 02/11/2021 đến ngày 13/12/2021 anh T còn nợ: 113.391.000 đồng;

7. Ngày 15/11/2021 đến ngày 09/12/2021 anh T còn nợ: 119.827.000 đồng;

8. Ngày 23/11/2021 anh T còn nợ: 11.550.000 đồng;

9. Ngày 24/01/2022 anh T còn nợ: 10.209.000 đồng;

Tổng cộng anh T lấy sơn trị giá bằng tiền là 814.934.000 đồng. Anh T đã thanh toán 282.561.000 đồng, còn nợ 532.373.000 đồng.

Anh đã nhiều lần yêu cầu anh T thanh toán tiền; nhưng anh T không trả và có khất nợ. Anh T có viết cho anh 02 giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ.

Trong quá trình bán sơn cho anh T và anh không thỏa thuận chiết khấu %. Nhưng nếu anh T trả nợ đầy đủ, đúng hạn thì anh cũng bớt cho anh T một phần tiền, đến nay anh T không tự nguyện trả nợ, nên anh không đồng ý bớt tiền cho anh T.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh xin rút yêu cầu buộc chị L là vợ anh T phải trả nợ cùng anh T; vì lý do: Chị Lê Thị L không tham gia giao dịch gì trong việc bán sơn cho anh T; chị L cũng không trực tiếp lấy sơn của anh lần nào.

Do anh T không trả tiền cho anh, đã xâm phạm đến quyền lợi của anh, nên anh khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Hồng Văn T trình bày:

Anh H là người bán sơn (sơn xây dựng) và nhận công trình xây dựng để sơn. Anh làm thợ sơn nhà. Anh và anh H không làm cùng nhau. Anh và anh H cùng lấy sơn của một đại lý sơn để làm, nên quen biết nhau.

Trong quá trình làm ăn anh H có mở cửa hàng bán sơn, nên anh H bảo anh lấy sơn của anh H và anh H sẽ trích chiết khấu % cho. Anh đồng ý (hai bên chỉ thỏa thuận miệng).

Anh và anh H thỏa thuận giao kết hợp đồng bằng lời nói (miệng): Anh là người mua sơn của anh H, còn anh H là người bán sơn; anh H giao sơn cho anh, anh phải trả anh H bằng tiền mặt và anh H sẽ chiết khấu % cho anh theo tỷ lệ là 62%, sau đó anh H lại thay đổi còn 58%. Tỷ lệ chiết khấu theo tổng số hàng anh lấy, ví dụ: Anh lấy tổng số sơn trị giá 100.000.000 đồng, thì anh chỉ phải trả cho anh H 42.000.000 đồng, còn lại 58.000.000 đồng anh được hưởng gọi là 58% chiết khấu.

Anh và anh H chính thức giao kết hợp đồng từ ngày 09/12/2020 đến khoảng tháng 01/2022 thì anh và anh H chấm dứt hợp đồng.

Anh đã nhiều lần lấy sơn của anh H. Các lần lấy sơn của anh H đều phải ký vào sổ của anh H. Anh lấy sơn không trả tiền ngay mà chỉ ký sổ nợ, khi nào chủ công trình thanh toán tiền thì anh trả anh H, việc lấy sơn và trả tiền các lần kế tiếp nhau. Anh lấy sơn của anh H rất nhiều lần, cụ thể anh không thể nhớ được. Sau khi xem bản tự khai của anh H nộp cho Tòa án ngày 12/5/2022, anh công nhận lời trình bày của anh H là đúng; các lần lấy sơn anh H thống kê là đúng, số tiền lấy sơn anh

còn nợ anh H là 532.373.000 đồng là đúng, nhưng số tiền này chưa có chiết khấu. Giấy hẹn nợ với anh H do anh ký xác nhận cho anh H.

Đến nay, anh xác nhận từ ngày 09/12/2020 đến ngày 24/01/2022 anh có mua sơn của anh Nguyễn Mạnh H nhiều lần, như bản tự khai ngày 12/5/2022 của anh H là đúng. Tổng số tiền anh nợ của anh H là 532.373.000 đồng (năm trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng chẵn). Nhưng số tiền này chưa được chiết khấu. Anh đề nghị anh H phải chiết khấu 60%.

Việc mua sơn của anh H không L quan gì đến vợ anh, vợ anh không biết việc này; anh và vợ tôi làm ăn riêng. Do thời gian đó, anh làm ăn thua lỗ, bị bạn bè chiếm đoạt tiền, nên anh đi làm không phục vụ gì cho kinh tế gia đình, anh cũng không đưa cho vợ anh được đồng nào. Đến nay anh còn nợ rất nhiều người, nên chưa có tiền trả anh H. Anh đề nghị anh H cho trả dần.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

- Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh H tham gia tố tụng.

- Chị Lê Thị L không nộp bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án trong suốt quá trình thu thập chứng cứ.

* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Các đương sự trình bày như sau:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Từ cuối năm 2020 đến đầu năm 2022 anh đã nhiều lần bán sơn cho anh Hồng Văn T. Việc bán sơn và trả tiền anh đều ghi vào sổ và anh T ký sổ cho anh, có lần anh T lấy sơn xong trả tiền ngay, có lần nợ lại. Tính đến ngày 19/01/2022 anh T còn nợ 532.373.000 đồng; hai bên đã thỏa thuận chốt nợ. Anh T đã cam kết trả số tiền này, nhưng sau đó anh T không thực hiện.

Anh đề nghị anh T phải trả cho anh tổng số 532.373.000 đồng tiền còn nợ. Nếu anh T chấp nhận trả cho anh số tiền trên, thì sau này anh sẽ bớt cho anh T một phần tiền, còn nếu anh T không chấp nhận trả thì anh sẽ không bớt cho anh T phần nào, cũng không đồng ý chiết khấu.

Trong quá trình giao kết hợp đồng, thì anh có nói là sẽ chiết khấu cho anh T một phần tiền, với điều kiện anh T phải thanh toán hết tiền và đúng hạn, còn nếu thanh toán tiền không đúng hạn thì không được chiết khấu. Tiền chiết khấu hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không nói bao nhiêu %.

Anh bán sơn cho anh T, không L quan gì đến chị L, nên anh không buộc chị L phải trả nợ cùng anh T.

- Bị đơn anh Hồng Văn T trình bày: Anh xác nhận từ ngày 09/12/2020 đến ngày 24/01/2022 anh có mua sơn của anh Nguyễn Mạnh H nhiều lần, như lời khai ngày 12/5/2022 của anh H là đúng. Tổng số tiền anh nợ của anh H là 532.373.000 đồng. Nhưng số tiền này chưa được chiết khấu. Khi mua sơn của anh H, hai bên có

thỏa thuận, anh H sẽ chiết khấu cho anh 60% giá trị trên tổng số tiền lấy sơn. Anh đề nghị anh H chiết khấu cho anh 60% của tổng số tiền 532.373.000 đồng; sau khi chiết khấu thì anh chỉ nợ anh H hơn 200 triệu đồng. Còn nếu anh H không chiết khấu, thì anh đồng ý trả cả 532.373.000 đồng, nhưng thời gian trả là dần trong 10 năm.

Anh công nhận ngày 19/01/2022 anh và anh H đã thỏa thuận chốt nợ, anh còn nợ anh H 532.373.000 đồng.

Việc anh mua sơn của anh H không L quan gì đến vợ anh.

- Chị Lê Thị L trình bày: Chị là vợ anh Hồng Văn T, chị không biết anh T làm ăn gì, nhưng nợ rất nhiều người; hai vợ chồng chị đã thống nhất những năm gần đây anh T làm để trả nợ riêng, anh T làm không phải đưa tiền về phục vụ kinh tế gia đình. Giữa anh T và anh H mua bán sơn thế nào chị không biết, khi anh H đến đòi tiền thì chị mới biết anh T còn nợ tiền anh H, chị cũng không biết là nợ bao nhiêu. Chị không đồng ý phải trả nợ chung cho anh T.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 116, 119, 430, 440, của Bộ luật dân sự; các Điều: 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H, buộc anh Hồng Văn T phải trả anh Nguyễn Mạnh H số tiền 532.373.000 đồng.

- Về án phí: Anh T phải chịu 25.294.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Từ cuối năm 2020 đến đầu năm 2022 nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H và bị đơn anh Hồng Văn T đã nhiều lần thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn xây dựng. Anh H cho rằng anh T chưa thanh toán hết tiền, nên anh H khởi kiện vụ án ra Tòa án, yêu cầu công nhận các hợp đồng mua bán sơn

giữa anh H và anh T có hiệu lực pháp luật, đồng thời buộc anh T phải thanh toán số tiền chưa trả. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng). Quan hệ pháp luật được xác định theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự. Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý vụ án là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị:

- Công nhận hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng) giữa bên bán là anh Nguyễn Mạnh H và bên mua sơn là anh Hồng Văn T có hiệu lực pháp luật; tính đến ngày 29/01/2022 anh Hồng Văn T còn nợ anh 532.373.000 đồng.

Xét thấy: Anh Nguyễn Mạnh H và anh Hồng Văn T có quan hệ xã hội. Anh H có cửa hàng bán sơn xây dựng; anh T là thợ sơn công trình xây dựng. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2020 đến đầu năm 2022 anh H và anh T đã nhiều lần thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán sơn. Trong đó anh H là bên bán sơn, còn anh T là bên mua sơn. Khi giao kết hợp đồng hai bên thỏa thuận ghi vào sổ của anh H; các lần mua bán sơn có lần anh T (bên mua) trả tiền, có lần nợ lại; các lần đều được anh H ghi lại. Đến đầu năm 2022 thì anh H không bán sơn cho anh T nữa (chấm dứt hợp đồng bán sơn), vì anh T chưa thanh toán hết tiền cho anh H. Cụ thể anh T còn nợ số tiền bán sơn như sau:

1. Ngày 09/12/2020 đến ngày 25/12/2020 anh T còn nợ: 144.728.000 đồng;
2. Ngày 28/12/2020 đến ngày 30/12/2020 anh T còn nợ: 43.890.000 đồng;
3. Ngày 31/12/2020 đến ngày 06/02/2021 anh T còn nợ: 143.799.000 đồng;
4. Ngày 07/5/2021 đến ngày 24/7/2021 anh T còn nợ: 90.381.000 đồng;
5. Ngày 13/10/2021 đến ngày 17/12/2021 anh T còn nợ: 137.159.000 đồng;
6. Ngày 02/11/2021 đến ngày 13/12/2021 anh T còn nợ: 113.391.000 đồng;
7. Ngày 15/11/2021 đến ngày 09/12/2021 anh T còn nợ: 119.827.000 đồng;
8. Ngày 23/11/2021 anh T còn nợ: 11.550.000 đồng;
9. Ngày 24/01/2022 anh T còn nợ: 10.209.000 đồng;

Tổng cộng anh T mua sơn trị giá 814.934.000 đồng. Anh T đã thanh toán cho anh H 282.561.000 đồng, còn nợ 532.373.000 đồng.

Anh H đã yêu cầu anh T nhiều lần thanh toán số tiền 532.373.000 đồng trên, nhưng anh T không có tiền trả và đã viết giấy chót nợ và khát nợ cho anh H. Điều này anh H và anh T đều công nhận.

Việc công nhận của anh T còn nợ anh H số tiền mua sơn 532.373.000 đồng là

những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của BLTTDS. Vì vậy cần xác định: Từ ngày 09/12/2020 đến ngày 24/01/2022 anh T đã nhiều lần mua sơn của anh H và số tiền anh T còn nợ anh H là 532.373.000 đồng là có căn cứ. Do đó anh H yêu cầu: Công nhận hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng) giữa bên bán là anh Nguyễn Mạnh H và bên mua sơn là anh Hồng Văn T có hiệu lực pháp luật; tính đến ngày 29/01/2022 anh T còn nợ anh H 532.373.000 đồng cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H: Buộc anh Hồng Văn T phải trả anh là 532.373.000 đồng.

Xét thấy việc anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh H, nên anh H khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền trên là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc anh T phải trả cho anh H 532.273.000 đồng là phù hợp với qui định tại các Điều: 274, 275 và 280 của BLDS.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh H xác định chị L là vợ anh T không L quan đến việc giao dịch, giao kết hợp đồng mua bán sơn và nhận nợ; anh H cũng rút yêu cầu không buộc chị L phải trả nợ cùng anh T. Xét thấy việc rút yêu cầu của anh H về việc buộc chị L phải trả nợ cùng anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên cần chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của anh T đề nghị anh H phải chiết khấu 60% giá trị tiền mua sơn, anh T không đưa ra được căn cứ gì chứng minh cho việc này; anh Không công nhận và không chấp nhận chiết khấu. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chiết khấu 60% giá trị tiền mua sơn như anh T trình bày.

- Đối với ý kiến của anh T: Đề nghị anh H cho trả dần trong thời hạn 10 năm. Anh H không chấp nhận yêu cầu này. Do vậy không chấp nhận đề nghị trả tiền trong thời hạn 10 năm của anh T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 25.290.000 đồng theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trả lại anh H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 116, 117, 118, 119, 274, 275, 276, 280, 357, 385, 398, 40, khoản 1 điều 402, 422, 430, 431, 433, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 144, 147, Điều 150, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H.

- Công nhận hợp đồng mua bán tài sản (sơn xây dựng) giữa bên bán là anh Nguyễn Mạnh H và bên mua sơn là anh Hồng Văn T có hiệu lực pháp luật; tính đến ngày 29/01/2022 anh Hồng Văn T còn nợ anh 532.373.000 đồng (năm trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng);

- Buộc anh Hồng Văn T phải trả anh Nguyễn Mạnh H là 532.373.000 đồng (năm trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

Trồng hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Hồng Văn T phải chịu 25.290.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Mạnh H 13.050.000 đồng (mười ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0013758 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh